TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2018
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;

2. Bà Trần Thị Đổi;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Trần Văn C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

- **Bị đơn**: Bà Lảo Thị Kim T (Th), sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Ông C có mặt, bà T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2018, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày: Ông C và bà T (Th) cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T (Th) thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường gây gỗ, cãi nhau. Ông C đã ly thân bà T (Th) từ tháng 01 năm 2017 đến nay. Nay ông C khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Ông Trần Văn C yêu cầu ly hôn với bà Lảo Thị Kim T (Th).

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Hoàng S, sinh ngày 18/8/2012, hiện đang sống với ông C. Khi ly hôn ông C yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần Văn C không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Bị đơn bà Lảo Thị Kim T (Th) vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành liên lạc và tống đạt các thủ tục tố tụng cho bà Lảo Thị Kim T (Th) theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T (Th) biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với ông C, có ký nhận các thủ tục nhưng bà T (Th) không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà T (Th) vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của ông Trần Văn C quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lảo Thị Kim T (Th), Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn bà Lảo Thị Kim T (Th) đã được tiệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà T (Th) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 25/10/2000 nên hôn nhân giữa ông C và bà T (Th) là hôn nhân hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà T (Th): Ông C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà T (Th) thường xuyên không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng hay gây cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Xét ông C trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay và cương quyết ly hôn. Tòa án đã triệu tập bà T (Th) nhiều lần để hòa giải nhưng bà T (Th) vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến cũng như không Cng cấp ý kiến về việc ông C xin ly hôn cho thấy bà T (Th) không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa ông C với bà T (Th) đã mâu thuẫn trầm trọng, nên ông

C yêu cầu xin ly hôn với bà T (Th) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Ông C trình bày có một con chung tên Trần Hoàng S, sinh ngày 18/8/2012, hiện đang sống với ông C. Khi ly hôn ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét bà T không có ý kiến về con chung nhưng từ tháng 01 năm 2017 đến nay cháu Trần Hoàng S đang sống với ông C ổn định nên để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của con chung thì cần tiếp tục giao con chung cho ông C nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lảo Thị Kim T (Th) không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì ông C không yêu cầu.

[3.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn C xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà T (Th) vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết. Nếu sau này, giữa ông C và bà T (Th) có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[4].Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn ông Trần Văn C phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn C với bà Lảo Thị Kim T (Th).

Ông Trần Văn C được ly hôn với bà Lảo Thị Kim T (Th).

2. Về con chung: Ông Trần Văn C được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Hoàng S, sinh ngày 18/8/2012, hiện con chung Trần Hoàng S đang sống với ông C.

3. Về cấp dưỡng: Bà Lảo Thị Kim T (Th) không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì ông C không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

5. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn C xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Ông Trần Văn C phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà ông C đã nộp theo biên lai số 0002188 ngày 26/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Ông Trần Văn C đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã A (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.